TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23 / 2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 01 - 2018
V/v: Ly hôn giữa
anh K và chị L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn On.
Các Hội thẩm nhân dân dân:
Ông Nguyễn Văn Cư.
Bà Võ Thị Lan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2017/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp " Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1978.

Cư trú tại: Tổ 7, ấp Phú Hữu 2, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Bé L , sinh năm 1978.

Cư trú tại: Tổ 12, ấp Vĩnh Thạnh 2, xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt) nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 Năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Hôn nhân giữa tôi và cô Trần Thị Bé L tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và tiến hành tổ chức lễ cưới nào năm 1997, không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, phường theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc được đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai không hợp nhau, thường xuyên cải vã dẫn đến xô xát, từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Về quan hệ con chung có 01 con chung tên Nguyễn Văn Linh, sinh ngày 25/02/1997, hiện cháu Linh đã

trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về quan hệ tài sản chung không có. Về nợ chung không có nợ. anh Nguyễn Văn K yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị Bé L .

Bị đơn chị Trần Thị Bé L trình bày: Hôn nhân giữa tôi và anh Nguyễn Văn K tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và tiến hành tổ chức lễ cưới nào năm 1997, không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, phường theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh K quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, từ đó cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay anh K yêu cầu xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn với anh K. Về quan hệ con chung có 01 con chung tên Nguyễn Văn Linh, sinh ngày 25/02/1997, hiện cháu Linh đã trưởng thành. Về quan hệ tài sản chung không có. Về nợ chung không có nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn K và chị Trần Thị Bé L không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, phường, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được xem là hôn nhân không hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp " Ly hôn " giữa anh Nguyễn Văn K và chị Trần Thị Bé L được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Anh Nguyễn Văn K yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị Bé L . Về quan hệ con chung có 01 con chung tên Nguyễn Văn Linh, hiện cháu Linh đã trưởng thành. Về quan hệ tài sản chung không có. Về nợ chung không có nợ.

[4] Bị đơn chị Trần Thị Bé L cũng đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Về quan hệ con chung có 01 con chung tên Nguyễn Văn Linh, hiện cháu Linh đã trưởng thành. Về quan hệ tài sản chung không có. Về nợ chung không có nợ.

[5] Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

- Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài

sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này.

- khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

- Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Hội đồng xét xử xét nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn do trong quá trình chung sống cả hai không hợp nhau, thường xuyên cải vã dẫn đến xô xát và anh K chung sống với người phụ nữ khác, từ đó cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và ly thân từ năm 2007 cho đến nay, nhưng vợ chồng không tự giải quyết để xây dựng hạnh phúc gia đình, do mặc cảm tư ty anh chị để mâu thuẫn diễn biến ngày một gay gắt, từ đó dẫn đến mâu thuẫn kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cho anh chị ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay anh K và chị L thống nhất thuận tình ly hôn nhưng không được pháp luật công nhận vì hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp nên không công nhận anh chị là vợ chồng. Về quan hệ con chung có 01 con chung tên Nguyễn Văn Linh, sinh ngày 25/02/1997, hiện cháu Linh đã trưởng thành nên hội đồng không đặt ra để xem xét giải quyết. Về quan hệ tài sản chung không có. Về nợ chung không có nợ.

[7] *Về án phí*: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001418 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9-14-15-51-55-56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn K và chị Trần Thị Bé L .

2. Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Văn Linh, sinh ngày 25/02/1997, hiện cháu Linh đã trưởng thành và lao động được.

3. Về chia tài sản: Không có.

- Về nợ chung: Không có nợ.

4. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001418 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Toà án tỉnh;
- VKSND thị xã;
-THADS thị xã
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VP.

Đào Văn On